

TRAO ĐỔI

BÀN VỀ CHUYỆN VIẾT HOA TRONG TIẾNG ANH

Phan Hữu Hạnh*

Thế là cuối cùng, cực chẳng đã tôi phải tự ép mình lên tiếng về tình trạng không nhất quán (inconsistency), không thống nhất, thậm chí để lộ kiến thức hoặc không thấy sự khác nhau giữa các nền văn hóa và ngôn ngữ trong việc sử dụng ngoại ngữ ở nước ta hiện nay. Có thể không lộng ngôn rằng đã và đang diễn ra cảnh bát nháo liên quan đến lỗi chính tả, phép chấm câu (punctuation), viết tắt, đặc biệt là cách viết hoa (capitalization) xuất hiện đầy rẫy, tràn lan trong các văn bản, văn kiện, tài liệu chính thống của các cơ quan chính phủ (government agencies), của các công ty trong trao đổi thư tín, nhất là thư tín thương mại (business correspondence), trong sách giáo khoa, sách tham khảo, báo chí và các ấn phẩm (printed matters) nói chung - những đứa con tinh thần của các tòa soạn, nhà xuất bản.

Thật tình, tôi cũng chẳng muốn bận tâm về tình hình trên, vì thiết nghĩ bấy lâu nay tình trạng đó vẫn tiếp diễn dai dẳng, bộc lộ thêm nhiều sai sót mới sơ đẳng đến mức khó ngờ, không thể tưởng tượng cho thấy trình độ, kiến thức không chắc, không toàn diện, yếu kém về cách sử dụng từ (word usage), không phân biệt từ dùng trong NÓI & VIẾT ở tiếng Anh và các ngôn ngữ cùng gốc khác (cognate languages), tức là các dân tộc Đông Âu, Trung Âu và Tây Âu cùng nói tiếng Slavic (Slavic-speaking peoples), cách viết lách mang tính học thuật, kinh viện và bác học (academic writing). Thôi thì cho qua vậy và hy vọng nếu một cơ quan thẩm quyền có trách nhiệm nào đó quan tâm đến điều tôi đang đề cập ắt tình hình rất có thể đã sáng sửa. Đáng tiếc, nói như thuật ngữ âm nhạc “crescendo” (to dần, mạnh dần), mức độ sai phạm cứ tăng dần. Đó chính là lý do khiến tôi mạo muội viết bài với tựa đề trên.

Trước hết, tôi phải xin lỗi nói thẳng rằng mọi việc đều có lý do của nó. Tôi thấy mình rất may mắn có 18 năm công tác tại Thông tấn xã Việt Nam giúp tôi kiến thức và cẩn trọng trong viết lách và 13 năm làm việc cho Liên Hợp Quốc, được tiếp xúc rất nhiều chuyên gia về các lĩnh vực. Trong những lần trà dư tửu hậu, vì tôi từng là nhà báo nên biết cách “mồi” những ý nghĩ và nhận xét của họ về nền giáo dục Việt Nam. Họ nói ngành giáo dục nước ta, cụ thể là Bộ Giáo dục và Đào tạo cho đến nay vẫn như gà mắc tóc, vẫn loay hoay không thoát khỏi vòng luẩn quẩn để có những cẩm nang dạy kỹ thuật viết (handbooks of technical writing), những cuốn ngữ pháp tiếng Việt hoàn chỉnh mọi cấp độ được xác lập thành quy tắc, thành luật

* Nhà giáo ưu tú, Thành phố Hồ Chí Minh.

(all-level codified comprehensive Vietnamese grammar books). Họ nhắc lại từ codified (tiếng Pháp là codifiés chứ không phải là systématisés: hệ thống hóa) và nói thêm rằng Bộ Giáo dục nước ta chưa xây dựng được một chiến lược giáo dục liên thông (an articulated educational strategy) từ bậc tiểu học lên đến đại học (higher education) và sau đại học (further education) và một chính sách giáo dục theo hướng hiện đại (a modern-oriented educational policy); nếu bộ có chính sách giáo dục thì chỉ là một chính sách vá vúi không hơn không kém (a patch-up policy). Và, hệ lụy là trong hơn 3 thập niên qua (từ năm 1975) qua báo cáo chi tiết của tùy viên văn hóa các sứ quán và các nguồn thạo tin (well-informed sources), họ nhận thấy ngành giáo dục đã xây cất được quá nhiều cao ốc (highrises) trong đó rất nhiều nhà móng yếu hoặc rất yếu (cười - ý nói là quá nhiều GS, PGS, TS). Với một nền giáo dục nửa vời (pseudoeducation) như vậy sẽ nhất định sản sinh những trí thức kiến thức phiến diện (one-sided knowledge) hoặc kiến thức lệch (lopsided knowledge). Cũng theo họ cho biết, chương trình đào tạo phổ thông của ta quá nặng, không hiệu quả. Điều cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng là các chương trình đào tạo các ngành, kể cả chuyên ngành và tại chức do bộ thiết kế (devised) phần cứng chiếm những đến 2/3 tổng số đơn vị học trình của toàn khóa học, và phần cứng đó hầu như giống nhau. Cuối cùng, họ nói với tôi (nguyên văn): “Như ông biết đấy, chính người thầy hoặc một chính sách giáo dục hoàn thiện hay một chiến lược giáo dục tốt quyết định chất lượng giáo dục và đào tạo, chứ không phải ngôi trường ông ta dạy hay một khu đại học khang trang.” (As you know, it is the teacher or a perfect educational policy or a good educational strategy that decides the quality of education and training, not the school he teaches in or a big campus.” Họ còn nói thêm nhiều điều nữa. Xin miễn bàn thêm.

Vậy, tôi xin đi thẳng vào chủ đề chính của bài này. Đó là tiếng Anh viết hoa trong những trường hợp cụ thể nào?

1. Viết hoa chữ cái đầu tiên của từ đầu câu, đầu dòng của một câu (hoàn chỉnh).

Ví dụ:

- My best friend is my dog: Người bạn tốt nhất của tôi là con chó của tôi.
- He is leaving for Bangkok tomorrow: Ngày mai ông ta sẽ đi Bangkok.
- Is she a nurse?: Có phải cô ta là y tá (không)?

2. Viết hoa chữ cái đầu tiên của từ bắt đầu dòng mới trong thi ca (Chú ý phép chấm câu trong các bài thơ của ta với cách chấm câu của phương Tây).

He is gone to the mountain,
He is lost to the forest,
Like a summer-dried fountain,
When our need was the sorest.

J. Keats, *Nostalgia* (Hoài niệm)

Tạm dịch:

Bóng người giờ khuất núi cao
 Dáng xưa lạc lối rừng xa bạt ngàn
 Suối hè nước cạn khô rang
 Khi lòng khắc khoải hoài mong suối lành.

3. Viết hoa đại từ nhân xưng chỉ ngôi THỨ NHẤT số ít “I” (chủ cách, tân cách vẫn viết “me”) đứng đầu câu hay giữa câu, và thán từ O (tiếng thốt ra gọi một người hay một vật gì đó: Ôi!).

- I am a senior lecturer: Tôi là giảng viên cao cấp.
- Aren't I right in saying so?: Tôi nói như vậy không đúng ư?
- He and I never argue: Nó và tôi không khi nào cãi lộn/gây gổ.
- O God our help in past years: Ôi Chúa ơi, Người là ân nhân của chúng con trong những chuỗi ngày đã qua.

4. Viết hoa các abbreviations (từ viết tắt) và acronyms (từ được cấu tạo bởi các chữ đầu của một nhóm từ).

- HQ/Hq: headquarters: 1/ trụ sở chính (công ty); 2/ tổng hành dinh (cảnh sát); 3/ đại bản doanh (quân đội).
- Sept là abbreviation của September.
- UNESCO là acronym của các từ the United Nations Educational, Scientific and Cultural Organization: Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc.
- IBM: International Business Machines: Công ty Điện toán IBM.
- GmbH: Gesellschaft mit beschränkter Haftung: Công ty trách nhiệm hữu hạn (của Đức).

5. Viết hoa tên riêng, tên nước hoặc địa danh cụ thể.

- Dick, Nam, Mary, Hoa.
- Vietnam, France, America, Italy.
- Hue City, Paris, London, Washington.

6. Viết hoa tên các dân tộc dùng làm tính ngữ/định ngữ (attributive use).

- The English book, a Vietnamese poem, an American film.

7. Viết hoa ngôn ngữ nước nào.

- Vietnamese, German, Russian, Spanish, French.
- Maria speaks fluent Arabic: Cô Maria nói lưu loát tiếng Ả Rập.

8. Viết hoa người nước nào, quốc tịch (nationality), nòi giống, chủng tộc (race).

- Vietnamese, Spaniard(s), Dutch, Swede(s), Swiss, Cuban(s), English, French, Australian(s).

- Người dân tộc nào kết thúc bằng -ESE, -CH, -SH, -SS đều không có dạng số nhiều.

Vd. 3 Vietnamese, 4 Dutch (4 người Hà Lan), 5 French, 2 English, 10 Swiss (10 người Thụy Sĩ).

- The French and Germans use a lot of spices (relishes) and herbs in their cooking: Người Pháp và người Đức sử dụng nhiều gia vị và rau mùi trong nấu nướng.

Chú ý: Không viết hoa người da trắng (the white), người da đen (the black), người da vàng (the yellow) hoặc người da đỏ (the red).

Nhưng: a Negro (1 người da đen), two Negroes (2 người da đen). Các từ khác như người da đen hay người Mỹ gốc (châu) Phi (để chỉ người Mỹ đen) được một số người thích dùng hơn (the black or Afro-Americans [for U.S Negroes]).

9. Viết hoa các địa điểm kèm theo tên riêng hoặc lấy danh từ chung để gọi các đảng phái, tổ chức, bảo tàng viện, cửa hàng, nhà hàng, khách sạn, trường học, bệnh viện, nhà thờ, công viên, quảng trường, sân bay, nhà ga (xe lửa), bến xe (xa cãng), hiệp định, hiệp ước, công ước, đường phố, nhà hát, rạp chiếu bóng, cầu,... (Chú ý điểm này trong tiếng Việt).

- The Communist Party of Vietnam, the World Trade Organization, the United Nations, the Hồ Chí Minh Museum, the Sao Mai Restaurant, the Hương Giang Hotel, the Quốc Học School (Nhưng: Uncle Hồ was once educated at Quốc Học's: Bác Hồ từng học tại Trường Quốc Học); the Huế Central Hospital, the Geneva Agreements, Lê Lợi Str^{ee}t, Lenin Square, Trường Tiền Brigde, the Training College (trường cao đẳng đào tạo), the Surgeon Hospital (bệnh viện bác sĩ giải phẫu).

- Let's go to St. John's Church: Chúng ta hãy đi đến nhà thờ thánh John.

- Hồ Chí Minh City has a lot of public parks, but vestpocket parks, such as Lê Thị Riêng Park, Lê Văn Tám Park...: Thành phố Hồ Chí Minh có nhiều công viên nhưng đều là công viên nhỏ như công viên Lê Thị Riêng, công viên Lê Văn Tám....

- Shall I send a car to pick you up at the airport?: Cho phép con đưa xe đón/rước ba tại sân bay nhé?

- Shall we see you off at Phú Bài Airport?: Cho phép chúng con tiễn ba tại sân bay Phú Bài nhé?

- The play will be premièred (tiếng Anh của người Anh - Br. E.) at the Peace Theatre: vở kịch sẽ được công diễn tại nhà hát Hòa Bình.

- The film was premiered (tiếng Anh của người Mỹ - Am. E.) at the August Cinema (Br. E.)/at the August movie House/movie Theater (Am. E.): Bộ phim đã được công chiếu tại rạp (chiếu bóng) Tháng Tám.

Chú ý: Khi dịch nói và dịch viết nhớ không dùng mạo từ xác định "THE" trước tên cầu, đường phố, công viên, quảng trường.

10. Viết hoa các ngày trong tuần và những ngày đặc biệt, ngày lễ (festive days) (Chú ý điểm này ở tiếng Việt).

- Monday (vt. Mon., thứ 2/thứ hai), Sunday (Sun. chủ nhật).
- I'll will come to see you/I'll come and see you on Wednesday (Br. E.)/I'll come see you (Am. E.): Tôi sẽ đến thăm anh vào ngày thứ tư.
- Valentine's Day, Christmas (Day), New Year (Năm Mới), Tết (Lunar Spring Festival), Ramadan (Tháng nhịn ăn ban ngày của người Hồi giáo-tháng 9).

11. Viết hoa các tháng trong năm.

- January (Jan.), August (Aug.).

Chú ý: Từ August ('ɔ:gəst - danh từ, tháng 8) và august (ɔ:'gʌst - tính từ có nghĩa: oai vệ, oai phong, uy nghi):

- He looks very august: Ông ta trông oai vệ thật.

12. Có thể viết hoa hay không các mùa trong năm.

- My family moved to Saigon in the spring of 1991: Gia đình tôi chuyển vào Sài Gòn mùa xuân năm 1991.
- Mr. Brown was born in Summer.

13. Viết hoa từ mid (như midsummer: giữa mùa hè) khi có gạch nối ở giữa và từ đi sau viết hoa.

Hãy so sánh:

- Our restaurant does not close until midnight: Nhà hàng chúng tôi đến nửa đêm mới đóng cửa.
- Your order will be delivered in Mid-April, as agreed (on): Hàng ông đặt mua sẽ được giao giữa tháng 4 như đã thỏa thuận.

14. Không viết hoa tên bốn phương tám hướng theo la bàn.

- The sun rises (viết)/goes up (nói) in the east and sets/goes down in the west: Mặt trời mọc ở phương đông và lặn ở phương tây.
- A tropical depression has developed into (a) typhoon moving west northwest: Một áp thấp nhiệt đới đã mạnh lên thành bão và đang di chuyển theo hướng tây tây bắc.
- Bình Dương Province is east of Hồ Chí Minh City: Tỉnh Bình Dương ở phía đông Thành phố Hồ Chí Minh.

Nhưng: Nếu là các vùng địa lý cụ thể thì vẫn viết hoa.

- The Orient: Phương Đông, the Far East: Viễn Đông, the Western Hemisphere: Tây Bán Cầu, Eastern Europe: Đông Âu.
- The Middle Near East is considered as a powder keg: Trung Cận Đông được coi là thùng thuốc nổ.

- White rice 5% BKN (broken) on the world market, or rather, on the Middle East market, is in great demand: Nhu cầu gạo trắng 5% tấm trên thị trường thế giới, hay nói đúng hơn là trên thị trường Trung Đông, rất lớn.

15. Viết hoa nhãn hiệu thương mại (trademarks) đã được cầu chứng (®- đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ).

Trung Nguyên Coffee, Revlon Cosmetic (mỹ phẩm hãng Revlon), Dior Perfume (nước hoa Dior),....

16. Viết hoa tên các ngành học của trường cao đẳng, đại học đi kèm con số khóa học.

- Business Administration 33 (Ngành Quản trị Kinh doanh khóa 33)

Khác với:

- We're majoring in business administration.

- Our major is business administration.

Hoặc:

- Business administration is our specialised field: Chúng tôi đang học chuyên ngành quản trị kinh doanh.

- More and more students have signed up for Hospitality 42: Ngày càng có nhiều sinh viên đăng ký học (chuyên ngành) Nhà hàng Khách sạn khóa 42.

17. Viết hoa các từ đề cập đến mối quan hệ gia đình chỉ khi nào các từ đó đi trước tên của một người hoặc khi chúng đứng một mình không có tính từ sở hữu bổ nghĩa.

- I wrote to Grandfather Smith: Tôi viết thư cho ông nội Smith.

- I wrote Mother/Father a letter. (Khác với: I wrote my mother/father a letter.)

- Khi Vin-hem Ten bị địch bắt phải dùng cung bắn quả táo để trên đầu con trai ông, thì cậu bé dũng cảm đã hô to: "Shoot, Father - I'm not afraid." (Bắn đi bố, con không sợ đâu). Giả sử, ta chầm câu sai, thì câu nói của cậu con trai sẽ là "Shoot father - I'm not afraid." (Bắn bố tôi đi, tôi không sợ đâu). Tôi đưa ví dụ này để chứng minh tính bất cần của nhiều người về quy tắc chầm câu và viết hoa ở tiếng Anh.

- Where's Dad(dy), Mum(my)/Mom(my)? (thân mật): Cha đâu hả, Mẹ?

18. Viết hoa các chức vụ chính thức (official positions) đứng trước tên các quan chức (officials).

- Mayor Davis: Thị trưởng Davis. Governor Blair: Thống đốc Blair.

Nhưng:

- Mr. Davis is Mayor of London. (Anh).

- Mr. Blair is governor of Michigan. (Mỹ).

Chú ý:

a/ Ở Mỹ, chỉ viết hoa chức vụ của các quan chức trong nội các (chính phủ) Mỹ như President, Vice-President (Phó Tổng thống), Secretary (Bộ trưởng), UnderSecretary (Thứ trưởng) mà thôi.

- US Chief Executive/(US President) Obama was present at the opening ceremony of George Washington Statue: Tổng thống Mỹ Obama dự lễ khánh thành tượng G. Washington.

- Mr. Foster Dulles was once US State Secretary: Ông F. Dulles từng là Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ.

b/ Một số nhà báo, nhà văn hay người viết sách nói chung thường không viết hoa các chức vụ như tổng thống và thủ tướng khi họ nói đến một người giữ chức vụ cao nhất.

- The president (hoặc President) will address on TV at 9 P.M. tonight: Tổng thống sẽ phát biểu trên truyền hình lúc 9 giờ tối nay.

- The president (of a company) will address the luncheon: Chủ tịch (của một công ty Mỹ) sẽ phát biểu ý kiến tại bữa ăn trưa (trang trọng).

- The prime minister (hay Prime Minister) left for France on a special plane yesterday: Thủ tướng đã đáp chuyên cơ đi Pháp hôm qua.

19. Viết hoa các tước hiệu (titles), cấp bậc trong quân đội (military ranks), quân hàm (military titles), học hàm (academic titles), học vị (academic degrees), danh hiệu (academic distinctions) có tên riêng hoặc có tính từ làm chức năng định ngữ kèm theo.

- Lord Mayor of London: Ngài Thị trưởng Luân Đôn.

- Peter the Great (tiếng Pháp: Pierre le Grand): Pi-e Đại đế. Attila the Hun: Rợ Hung Nô (the Great, the Hun làm định ngữ (épithète) để mô tả tên hay tước hiệu của ai).

Chú ý:

a/ - Gen. Võ Nguyên Giáp (*Nhưng: General Giáp*): Tướng Võ Nguyên Giáp (Tướng Giáp).

- Prof. John Brown (Professor Brown).

- Dr. Freda Cook hay Freda Cook Ph.D (Doctor Cook).

b/ *Không viết hoa học hàm hay chức vụ không có tên riêng đi kèm.*

- my maths professor (Anh) = my math professor (Mỹ)

- the former prime minister (cựu thủ tướng).

20. Viết hoa các tôn giáo (religions), các thánh kinh (bibles), thánh thư (sacred books/writings), các vị thần, thánh (deities) và các đại từ (chủ cách, tân cách), tính từ sở hữu liên quan các vị thần, thánh.

- Buddhism: đạo Phật, Phật giáo; Christianity: đạo Cơ Đốc.

- The (Holy) Bible is a sacred book: Kinh thánh là một thánh thư.

- The Koran is the Muslim Bible: Kinh Co-ran là kinh thánh của Hồi giáo.
- The Old/New Testament and The Ten Commandments are all sacred writings: Kinh Cựu Ước/Kinh Tân Ước và 10 Điều Răn đều là thánh thư.
- Buddha: Đức Phật; God: Chúa, Trời, Thượng Đế.
- God the Father, God the Son and God the Holy Ghost: Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Chúa Thánh Thần.
- Christ (Jesus, Jesus Christ): Chúa Giê-su, Chúa Cứu Thế.
- They trusted in God because He saved His people: Họ tin ở Chúa vì Người đã cứu rỗi các con chiên của Người.

Chú ý: Trong dịch thuật, nói hay viết, do bất cẩn hay do kiến thức nên không ít thông dịch và biên dịch viên cũng như sách, báo nhầm 2 từ sau (và nhiều từ khác nữa):

- Church viết chữ “C” hoa là Giáo hội, chữ “c” thường là nhà thờ.

21. Viết hoa các từ hay cụm từ hô ngữ (apostrophe) dùng để chỉ sự ngạc nhiên, mong ước.

- God! My God! Oh, my God? Lạy chúa! Lạy Chúa tôi! Ôi, lạy Chúa tôi!
- Good Heavens! Trời đất (oi)!, Good God! Lạy Chúa lòng lành!

Chú ý: Good(ness) gracious! Trời ơi! Gracious me! Chao ôi! (2 cụm từ này dùng trong câu cảm thán chỉ sự ngạc nhiên nhưng đã lỗi thời (dated), nay hết sử dụng).

22. Viết hoa tên các vị thần nam/nữ của đa thần giáo (polyetheistic religions).

- Venus: thần Vệ Nữ; Zeus: thần Dớt; Thor: thần của sấm sét, chiến tranh và sức mạnh, con trai của thần Odin.

23. Viết hoa tên các thiên thể (heavenly/celestial bodies) trong vũ trụ.

- Mars: sao Hỏa; Venus: sao Kim; Saturn: sao Thổ... trong Hệ mặt trời/Thái dương hệ (solar system).

Chú ý: Không viết hoa trái đất, mặt trăng và mặt trời trừ phi chúng được dẫn ra cùng với các thiên thể khác, hoặc được nhân cách hóa (Chú ý điểm này ở tiếng Việt).

- The moon shines by means of light reflected from the sun: Mặt trăng chiếu sáng nhờ ánh sáng phản chiếu từ mặt trời.

Nhưng:

- Mercury is the planet closest to the Sun: Sao Thủy là hành tinh gần mặt trời nhất.

- The Moon is tonight shining/giving her silvery light: Chị Hằng/Hằng Nga đêm nay tỏa sáng óng ánh như bạc.

24. Viết hoa các cơ quan chính phủ (government agencies), doanh nghiệp, công ty, các tổ chức cụ thể, các tổ chức quốc tế, câu lạc bộ, đội bóng...

- Ministry of Finance: Bộ Tài chính; Ministry of Industry and Trade: Bộ Công Thương (nhiều sách/báo viết rất bất cần như Bộ Công thương); Planning & Investment Department/Service: Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Supreme Court: Tòa án Tối cao; Court of Appeals: Tòa Thượng thẩm.

- Senate (Mỹ)/House of Lords (Anh): Thượng (nghị) viện.

- House of Representatives (Anh/Mỹ): Hạ (nghị) viện.

- Parliament: Quốc hội (các nước) = National Assembly (Việt Nam).

- Budget Commission: Ủy ban Ngân sách.

- Lotus Co. Ltd: Công ty TNHH Hoa sen.

- The World Bank (the WB): Ngân hàng Thế giới (hay còn gọi là the IBRD/IBRD - the International Bank for Development and Research: Ngân hàng Quốc tế Phát triển và Nghiên cứu (và ngược lại), được thành lập sau Thế chiến thứ 2).

- As planned, SHB Đà Nẵng Team will measure studs with Thừa Thiên Huế Eleven tomorrow: Theo kế hoạch, đội bóng SHB Đà Nẵng sẽ “so gài” với đội Thừa Thiên Huế ngày mai.

- Vietnamese Students Club: Câu lạc bộ Sinh viên Việt Nam.

25. Viết hoa tên các sông, hồ, thác nước, biển, đại dương, dãy núi, mũi đất, sa mạc, bán đảo, quần đảo, ngọn núi...

Chú ý:

- Nói hay viết phải có mạo từ xác định THE đi trước các đối tượng nói trên trừ hồ, mũi đất và ngọn núi.

- Có sự khác nhau nhỏ nhỏ giữa 2 câu sau:

a/ The Saigon River/ The River Saigon/ The Saigon has a deep-water port (which is) equipped with modern handling installations/facilities: Sông Sài Gòn có một cảng nước sâu được trang bị máy móc thiết bị làm hàng (bốc dỡ hàng) hiện đại.

b/ Not long ago, to get to Thủ Thiêm, people had to cross the Saigon (River) by ferry boat: Cách đây không lâu, muốn qua Thủ Thiêm, người ta phải đi phà qua sông Sài Gòn.

- Lake Ba Bể: hồ Ba Bể; Lake Victoria: hồ Victoria; Victoria Falls: thác Victoria; Niagara Falls: thác Niagara.

- the East Sea: biển Đông; the Red Sea: biển Đỏ; the Mediterranean (Sea): Địa Trung Hải; the Pacific (Ocean): Thái Bình Dương; the Atlantic (Ocean): Đại Tây Dương; the Indian Ocean: Ấn Độ Dương.

- the Himalaya (Range): dãy Himalaya; the Trường Sơn Mountains: dãy Trường Sơn; Mount Everest: đỉnh núi Everest.

- Cape Cà Mau: mũi Cà Mau; Cape Horn: mũi Sừng; Cape of Good Hope: mũi Hảo Vọng/Hảo Vọng giác.
- the Sahara (Desert): sa mạc Sahara; the Gobi Desert: sa mạc Gôbi (Mông Cổ).
- the Indochinese Peninsula: bán đảo Đông Dương; the Crimea (Peninsula): bán đảo Crimê.
- the Trường Sa Islands/Archipelago: quần đảo Trường Sa.

Chú ý:

a/ Đối với những địa danh nổi tiếng, người Anh, Pháp không nhất thiết dùng danh từ chung.

b/ Không viết hoa các danh từ thuộc về địa dư khi chúng đi cùng với hai hay nhiều danh từ riêng đi kèm.

Ví dụ: Sông Hồng là sông dài thứ 2 ở nước ta sau sông Cửu Long: The Red River is the second longest in our country after the Mekong (River).

Nhưng: Sông Hồng và sông Cửu Long là 2 sông dài nhất của Việt Nam: The Red and Mekong rivers are the 2 longest of Vietnam.

Hay: the Mississppi and Missouri rivers.

c/ Từ thác, thác nước có 4 từ tiếng Anh như sau: waterfall, từ dùng chung để giải thích 3 từ: fall - luôn luôn ở số nhiều, viết hoa khi đi kèm tên riêng; cascade: thác tầng; và cataract: thác rất lớn, rộng và dốc đứng như thác Victoria.

26. Viết hoa các công trình kiến trúc cụ thể như tòa nhà, cầu, đập nước, tượng đài...

- Two some 5,000 - strong demonstrations took place separately outside (không dịch in front of) the White House and the Pentagon...: Hai cuộc biểu tình khoảng 5.000 người đã nổ ra riêng biệt trước Nhà Trắng/Tòa Bạch Ốc và Lầu Năm Góc/Ngũ Giác Đài (Bộ Quốc phòng Mỹ)...

- Trường Tiền Bridge: cầu Trường Tiền; Aswan High Dam: đập Aswan (trên sông Nile); Taj Mahal: đền Taj Mahal (Ấn Độ); Trường Sơn War Memorial Monument: nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn.

27. Viết hoa những từ chính, quan trọng của tựa đề sách, bài báo, tờ báo, tạp chí, tiểu luận (essay), luận văn, luận án, tham luận, vở kịch, bộ phim, tiểu thuyết, bài hát, tranh, tượng, chương trình truyền hình (Chú ý điểm này trong tiếng Việt).

Chú ý: Các giới từ đơn âm (1 âm tiết như in-on-of-off-out-at-down), các liên từ ngắn (1 vắn như and-but-or-nor-for) và mạo từ không xác định và xác định (a, an, the) nằm giữa tựa đề các sách, bài báo... nói trên đều không được viết hoa. Điều này cũng áp dụng cho các ngôn ngữ cùng gốc khác (langues cognates) như tiếng Pháp, Đức, Tây Ban Nha...

- The novel entitled “War and Pease”: Cuốn tiểu thuyết với tựa đề “Chiến tranh và hòa bình”.

- “THREE MEN HELD IN A CIGARETTE CASE” (hay Three Men Held in a Cigarette Case) is the title of an article: “Ba người đàn ông bị giam trong một vụ thuốc lá” là tựa đề một bài báo.

- Tàu TGVs (tàu lửa cao tốc của Pháp, thế hệ thứ 3): Trains à Grandes Vitesses.

- Các từ viết tắt trong phương thức giao hàng (ngành vụ ngoại thương): **FOB**: Free on Board (Anh), Franco à Bord (Pháp); **FAS**: Free Alongside Ship.

28. Viết hoa lời chào (salutation) của công thức quy ước trong thư tín thương mại (Không ít người không nắm điểm này).

- Dear Sir (Thưa ông/ngài); Dear Sir/Madam(e) (Thưa ông/bà); Dear Sirs (Thưa các ông/quý công ty/ủy ban...)

- Yours faithfully/Yours sincerely.

29. Viết hoa từ đầu tiên trong lời nói trực tiếp (Chú ý cách chấm câu ở tiếng Anh và tiếng Việt).

- He said, “Vietnam has a good investment enviroment.” Ông ta nói, “Việt Nam có một môi trường đầu tư tốt”.

Hoặc: “Vietnam has a good investment enviroment,” he said. “Việt Nam có một môi trường đầu tư tốt”, ông ta nói.

Nhưng: Khi lời nói trực tiếp bị ngắt quãng thì từ đầu tiên của phần sau không viết hoa.

- “This is the house,” he said, “where I was born.”

- “This,” said Dick, “is the house where I was born.”

30. Nhớ viết các trường hợp nói trên bằng chữ viết hoa thì phải viết như sau:

Remember to write the above cases in Capitals (in capital letters).

Tóm lại, qua bài viết này, theo tôi Chính phủ cần chỉ đạo Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan chức năng khác nên nhanh chóng soạn thảo thành luật, xác lập thành quy tắc rạch ròi thống nhất trong tiếng Việt về phép chấm câu, cách viết tắt, viết hoa cũng như phải có những cuốn sách gọi là CẨM NANG KỸ THUẬT VIẾT và sách ngữ pháp tiếng Việt hoàn chỉnh. Bởi lẽ, đây là vấn đề rất cấp thiết cho thế hệ trẻ hiện nay và mai sau. Đừng để cho có người nước ngoài từng rĩ tai tôi rằng nước ông thống nhất về lãnh thổ (territorily reunified) nhưng còn quá nhiều điều chưa thống nhất trong cả nước Việt Nam (in the whole of Vietnam). Câu nói đó cứ văng vẳng trong tai tôi!

P H H

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Charles T. Brusaw, Gerald J. Alred, Walter E. Oliu. *Handbook of Technical Writing* (5th edition). St. Martin's Press, New York, 2010.
2. Barbara Lenmark Ellis, Ph.D. *How to Write Successfully in High School and College* (essays, theses) (4th edition). Barron's, USA, 2006.
3. Silva Chalker, MA, Nicholas Jones, MA, Owen Morris, PhD, Patrica Morris, PhD and other contributors. *How to Write and Speak Better*. The Reader's Digest Association, Inc. of Pleasantville, New York, USA, 2008.
4. Alice Oshima & Ann Hogue. *Introduction to Academic Writing* (3rd edition). Pearson (Longman), 1999. (The Longman Academic Writing Series).
5. Jason Davis & Rhonda Liss. *Effective Academic Writing 1, 2 & 3*. St. Martin's Press, New York, 2009.
6. Ann Raimes. *Techniques in Teaching Writing*.
7. Ann Raimes. *Skills in Self-Teaching Writing*, Oxford American English Series. Oxford Press.
8. R. R. Jordan. *Academic Writing Course* (New edition). Longman Publishers.
9. Marie, Christin Bootin, Piann Gruber & Viviane Dunn. *Technical Writing* (Elementary-Intermediate & Advanced). Oxford Press.
10. Anita Pincas. *Writing in English*. Macmillan Publishers.
11. Cyrill Miller. *A Grammar of Modern English for Foreign Students*. Longman.

TÓM TẮT

Có một thực tế không thể phủ nhận là tình trạng lộn xộn, sai sót theo mức độ ngày càng tăng dần trong việc sử dụng ngoại ngữ, nói chính xác hơn là tiếng Slavic ở nước ta hiện nay. Các lỗi thường thấy như chính tả, phép chấm câu, viết tắt, đặc biệt là cách viết hoa xuất hiện tràn lan trong các văn bản của cơ quan nhà nước, trong thư tín thương mại, trong sách giáo khoa, trong các ấn phẩm sách báo... Trong bài viết này, tác giả chỉ bàn về cách viết hoa trong tiếng Anh thông qua 30 trường hợp cụ thể, để người đọc tham khảo sử dụng.

Qua bài viết này, tác giả cũng bày tỏ sự mong muốn chính phủ cần chỉ đạo các cơ quan hữu trách nhanh chóng soạn thảo thành luật, xác lập những quy tắc rạch ròi trong tiếng Việt về phép chấm câu, cách viết tắt, viết hoa cũng như biên soạn những cuốn sách cẩm nang kỹ thuật viết và sách ngữ pháp tiếng Việt hoàn chỉnh. Bởi lẽ đây là những vấn đề rất cấp thiết cho thế hệ trẻ hôm nay và mai sau.

ABSTRACT

ON THE ENGLISH CAPITALIZATION

There is an undeniable fact that in our country an ever-growing extent of the chaotic and faulty situation is now happening with the use of foreign languages, or rather, Slavic languages. The usually-seen mistakes, such as spelling, punctuation, abbreviation, especially capitalization appear rampantly in the documentation of government agencies, in business correspondence, in textbooks, in publications, etc. In this article, the author only discussed the English-language capitalization through 30 specific cases for readers' reference and use.

Besides, through this writing, the author would also like to express his wishes that the Government needs to instruct authorized agencies to speedily codify the above-mentioned things as well as to compile handbooks of academic writing and comprehensive Vietnamese grammar books. It is mainly because these are imperative matters for the younger generations of today and tomorrow.